

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/02/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2020/HNGĐ – TLST ngày 18/11/2020, về việc “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Y, sinh ngày 14/01/1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Số 8/21 Nguyễn Văn T, khu 6, thị trấn L, Huyện L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay : Số 113 và 113/1 đường Tây Viên, Trung Lich, thành phố Đào Viên, Đài Loan (vắng mặt).

Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Đoàn Văn H, sinh ngày 20/12/1966.

Địa chỉ : Thôn V, xã T, Huyện L, tỉnh Hải Dương ( vắng mặt).

2. Bị đơn : Anh Bùi Quý Q, sinh ngày 08/05/1992.

Địa chỉ : Số 8/21, Nguyễn Văn T, khu 6, thị trấn L, Huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Ông Đoàn Văn H, sinh ngày 20/12/1966.

Địa chỉ : Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương ( vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc - Nguyên đơn chị Đoàn Thị Y trình bày: Chị và anh Q tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 18/01/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Q chơi bời, nghiện ngập, không tu trí làm ăn, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh Q không thay đổi, do vậy chị đã đưa hai con về nhà ngoại sinh sống. Năm 2017 chị đi nước ngoài làm kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quý H, sinh ngày 25/12/2011 và Bùi Quý Nguyên K, sinh ngày 06/5/2014. Hiện tại hai cháu đang ở với ông ngoại là Đoàn Văn H. Ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi hai con, tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không ở Việt Nam, chị tiếp tục ủy quyền cho bố đẻ là ông Đoàn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Q không có, không đề nghị Tòa án giải q

- Theo bản tự khai của bị đơn – anh Bùi Quý Q trình bày: Anh và chị Y tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L ngày 18/01/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại số 8/21 Nguyễn Văn T, khu 6, thị trấn L, huyện L. Năm 2015 do anh vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án, ở nhà chị Y đi nước ngoài. Vợ chồng thỉnh thoảng liên lạc với nhau để hỏi thăm tình hình con cái. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đợi chị Y về Việt Nam mới giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Y có hai con chung là Bùi Quý H, sinh ngày 25/12/2011 và Bùi Quý Nguyên K, sinh ngày 06/5/2014. Hiện cả hai con đang ở cùng ông bà ngoại tại thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương. Nay anh chưa có quan điểm về con, đợi chị Y về Việt Nam anh mới giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị xem xét.

Do điều kiện công việc nên chị Y không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, chị ủy quyền cho bố đẻ là Đoàn Văn H giao, nhận các văn bản của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của ông H, ông có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị Y, và đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Bùi Quý H và Bùi Quý Nguyên K thay cho chị Y. Ông H xác định vợ chồng chị Y, anh Q sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Q chơi

bời, nghiện ngập, không có trách nhiệm với gia đình, hai lần vi phạm pháp luật, hiện không có công việc và thu nhập ổn định.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Q, chị Y có hộ khẩu tại địa phương, chị Y hiện ở nước ngoài, anh Q mới chấp hành xong án, có mặt tại địa phương, không có công việc ổn định. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q mãi chơi, không tu trí làm ăn. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại đơn đề nghị xác nhận của trường tiểu học T, huyện L thể hiện cháu K và cháu H hiện đang học tập tại trường, ông bà ngoại là người đưa đón và đóng tiền học cho hai cháu.

Cháu Bùi Quý H và cháu Bùi Quý Nguyên K là con chung của chị Y, anh Q có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian mẹ ở nước ngoài, các cháu có nguyện vọng được ở với ông bà ngoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Y, anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Y được ly hôn anh Q. Về con chung: Giao cháu Bùi Quý H, sinh ngày 25/12/2011 và Bùi Quý Nguyên K, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Y không ở Việt Nam, tạm giao cháu K và cháu H cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện chị Y không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Đoàn Thị Y được xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, nên những tài liệu này là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q vắng mặt. Anh Q, chị Y, ông H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đoàn Thị Y và anh Bùi Quý Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn L ngày 18/01/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do anh Q chơi bời, không tu trí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến 2 lần vi phạm pháp luật và phải chấp hành án. Năm 2017 chị Y đi nước ngoài lao động, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, có đơn đề nghị giải quyết ly hôn. Về phía anh Q xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, nên anh đề nghị đợi khi nào chị Y về Việt Nam mới giải quyết ly hôn. Tuy nhiên qua xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy thực tế do anh Q mãi chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc. Việc anh Q đề nghị đợi chị Y về Việt Nam mới giải quyết ly hôn là nhằm gây khó khăn cho chị Y. Từ phân tích trên cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Y đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

- *Về con chung*: Chị Đoàn Thị Y và anh Bùi Quý Q có hai con chung là Bùi Quý H, sinh ngày 25/12/2011 và Bùi Quý Nguyên K, sinh ngày 06/5/2014. Từ khi chị Y đi lao động tại Đài Loan thì hai cháu ở với ông bà ngoại. Ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thực tế cho thấy cháu H, cháu K đang ở với ông bà ngoại, các cháu được học tập phát triển tốt. Mặc dù anh Q đã chấp hành án xong nhưng là người nghiện ngập, không có công việc, thu nhập ổn định, nếu giao hai con cho anh Q chăm sóc nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống cho 2 cháu. Bản thân anh Q cũng thừa nhận từ khi được về địa phương anh cũng chưa đến thăm con lần nào. Cháu H và cháu K cũng có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ và ông bà ngoại. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên tiếp tục giao cháu H, cháu K cho chị Y nuôi dưỡng. Thời gian chị Y không ở Việt Nam, tạm giao cháu H, cháu K cho ông Đoàn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị Q số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Y được ly hôn anh Bùi Quý Q.
2. Về con chung: Giao con chung Bùi Quý H, sinh ngày 25/12/2011 và Bùi Quý Nguyên K, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng

đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Y không có ở Việt Nam, tạm giao cháu H, cháu K cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Đoàn Văn H nộp thay theo biên lai thu số AA/2018/0004781 ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Y, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Quý Q và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn L.
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**